

Công ty Cổ phần Dược Hải Giang

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ tài
chính kết thúc ngày 31 tháng 03
năm 2011

Công ty Cổ phần Dốc Hải Giang
Thông tin về Công ty

Quyết định số 2405/QĐ-CT.UB ngày 5 tháng 8 năm 2004

Quyết định này do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp.

Giấy phép Kinh doanh Số 5703000111 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp vào ngày 15 tháng 9 năm 2004. Giấy phép Kinh doanh của Công ty trước nhiều lần, lần nhiều nhất là giấy phép kinh doanh số 1800156801 cấp ngày 6 tháng 9 năm 2010.

Hội đồng Quản trị

Bà Phạm Thị Việt Nga	Chủ tịch
Bà Lê Minh Hồng	Phó Chủ tịch
Ông Lê Chánh Năm	Thành viên
Ông Noan Ninh Duy Không	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hồng Loan	Thành viên
Ông Nguyễn Nhỏ Song	Thành viên
Ông Lê Ninh Hữu Trí	Thành viên
Ông Nguyễn Số Trung Kỳ	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Phạm Thị Việt Nga	Tổng Giám đốc
Bà Lê Minh Hồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Chánh Năm	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Anh Nhỏ	Chủ tịch
Ông Trần Quốc Hồng	Thành viên
Ông Nam Mạnh Cường	Thành viên

Trụ sở năng ký 288 Bis Nguyễn Văn Cội, Phường An Hòa,
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
Việt Nam

Công ty Cổ phần Dốc Hải Giang

Bảng cân đối kế toán trước hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
TAI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		1.382.782.829.900	1.302.520.507.651
Tiền và các khoản tương đồng tiền	110	3	546.993.860.037	577.662.484.017
Tiền	111		215.073.176.430	240.854.167.440
Các khoản tương đồng tiền	112		331.920.683.607	336.808.316.577
Nhà đầu tư ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu	130	4	442.163.224.109	395.567.418.981
Phải thu thông mại	131		275.074.597.876	277.351.032.058
Trai trả cho người bán	132		91.173.528.421	27.899.031.185
Các khoản phải thu khác	135		80.502.484.881	94.904.742.807
Dự phòng phải thu ngoài	139		(4.587.387.069)	(4.587.387.069)
Hàng tồn kho	140	5	384.797.826.959	324.767.325.307
Hàng tồn kho	141		387.763.795.070	327.733.293.418
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.965.968.111)	(2.965.968.111)
Tài sản ngắn hạn khác	150		8.827.918.795	4.523.279.346
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.482.840.514	744.140.787
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	154		174.849.536	110.460.634
Tài sản ngắn hạn khác	158		6.170.228.745	3.668.677.925

Các thuyết minh nính kèm là báo cáo hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Dốc Hải Giang

Bảng cân đối kế toán trước hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Tài sản dài hạn	200		406.371.963.035	397.469.914.656
Tài sản cố định	220		293.342.165.762	284.742.224.040
Tài sản cố định hữu hình	221	6	150.751.317.910	149.381.576.094
Nguyên giá	222		291.944.457.841	283.266.523.936
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(141.193.139.931)	(133.884.947.842)
Tài sản cố định vô hình	227	7	133.642.687.377	127.728.195.760
Nguyên giá	228		138.017.468.780	131.744.976.812
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.374.781.403)	(4.016.781.052)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	8	8.948.160.475	7.632.452.186
Bất động sản thuê	240	9	6.301.420.089	6.456.882.120
Nguyên giá	241		7.790.891.262	7.784.646.717
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.489.471.173)	(1.327.764.597)
Nhau tổ tài chính dài hạn	250	10	82.537.020.975	82.537.020.975
Nhau tổ vào công ty con	251		50.550.000.000	50.550.000.000
Nhau tổ vào công ty liên kết	252		37.287.450.000	37.287.450.000
Nhau tổ dài hạn khác	258		11.901.050.200	11.901.050.200
Dự phòng giảm giá nhau tổ tài chính dài hạn	259		(17.201.479.225)	(17.201.479.225)
Tài sản dài hạn khác	260		24.191.356.209	23.733.787.521
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	20.952.176.438	21.302.335.442
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	28	821.476.627	821.476.627
Tài sản dài hạn khác	268		2.417.703.144	1.609.975.452
TỔNG TÀI SẢN	270		1.789.154.792.935	1.699.990.422.307

Các thuyết minh nính kèm là báo phân hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Dốc Hải Giang

Bảng cân đối kế toán trước hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
NGUỒN VỐN				
NỘI PHẢI TRẢ	300		495.079.050.033	485.158.158.588
Nội ngắn hạn	310		434.731.389.353	426.202.287.683
Vay ngắn hạn	311	12	14.484.921.672	12.802.412.973
Phải trả thông mai	312	13	112.639.025.556	92.260.051.435
Ngôi mua trả tiền trước	313		-	1.213.856.155
Thuê phải nộp ngân sách Nhà nước	314	14	19.923.983.988	34.880.141.307
Phải trả người lao động	315		57.212.487.167	83.051.402.645
Chi phí phải trả	316	15	188.420.162.751	158.693.025.840
Các khoản phải trả phải nộp khác	319		20.109.831.681	19.688.076.094
Quy định thưởng và phúc lợi	323	16	21.940.976.538	23.613.321.234
Nội dài hạn	330		60.347.660.680	58.955.870.905
Doanh thu chờ thực hiện	333		119.417.273	119.417.273
Đội phòng trừ cấp thời việc	336	17	22.812.056.324	20.978.663.130
Quy phát triển khoa học và công nghệ	339	18	37.416.187.083	37.857.790.502
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.294.075.742.902	1.214.832.263.719
Vốn chủ sở hữu	410		1.294.075.742.902	1.214.832.263.719
Vốn công phần	411	19	269.129.620.000	269.129.620.000
Thặng dư vốn công phần	412		378.761.392.824	378.761.392.824
Công phiếu quỹ	414	19	(455.850.000)	(455.850.000)
Quy định tổ phát triển	416		187.595.334.349	187.595.334.349
Quy định phòng tài chính	418		59.884.587.817	59.884.587.817
Lợi nhuận chờ phân phối	420		399.160.657.912	319.917.178.729
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.789.154.792.935	1.699.990.422.307

Người lập:

Người duyệt:

Nhãng Phạm Huyền Nhung
Kế toán trưởng

Leã Chãnh Nhão
Phoì Toång Giãm nũc

ngay 25 tháng 4 năm 2011

Các thuyết minh nĩnh kèm lãnbãophãnh hãp thãnh cãc bãibãicãitãi chĩnh riẽng nãy

Công ty Cổ phần Dürk Hải Giang

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất cho kỳ ba tháng kết thúc
ngày 31 tháng 03 năm 2011**

	Mã số	Thuyết minh	Quý 1/2011 VNĐ	Quý 1/2010 VNĐ
Tổng doanh thu	01	20	566.262.371.871	406.808.190.126
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	(2.415.841.262)	(8.492.103.031)
Doanh thu thuần	10	20	563.846.530.609	398.316.087.095
Giá vốn hàng bán	11	21	(316.230.063.861)	(221.297.266.872)
Lãi nhuận gộp	20		247.616.466.748	177.018.820.223
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	11.794.228.634	6.290.008.776
Chi phí tài chính			(1.394.293.555)	(1.453.172.091)
Trong nội chi phí lãi vay	22	23	(323.372.767)	(1.172.801.216)
Chi phí bán hàng	24	24	(134.522.485.211)	(91.647.254.255)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	25	(33.233.792.478)	(19.691.369.761)
Lãi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		90.260.124.138	70.517.032.892
Thu nhập khác	31	26	1.223.550.042	889.590.530
Chi phí khác	32	27	(1.107.505.042)	(641.626.697)
Lãi nhuận trước thuế	50		90.376.169.138	70.764.996.725
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	28	(11.132.689.955)	(8.288.566.610)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	28		0
Lãi nhuận thuần	60		79.243.479.183	62.476.430.115
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29		

Người lập:

Người duyệt:

Nguyễn Phạm Huyền Nhung
Kế toán trưởng

Le Chanh Nho
Phó Tổng Giám đốc

ngày 25 tháng 4 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm báo cáo hợp nhất thành các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Dốc Hải Giang

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu trước hợp nhất cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quyên góp phát triển VNĐ	Quy đổi phong tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng vốn chủ sở hữu VNĐ
Số đầu ngày 1 tháng 1 năm 2010	266.629.620.000	378.761.392.824	(410.400.000)	4.217.739.831	29.662.409.519	294.026.469.730	972.887.231.904
Phát hành cổ phiếu	2.500.000.000	-	-	-	-	-	2.500.000.000
Cổ phiếu quỹ mua lại	-	-	(136.800.000)	-	-	-	(136.800.000)
Cổ phiếu quỹ tái phát hành	-	-	91.350.000	-	-	-	91.350.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	346.820.010.729	346.820.010.729
Có tác	-	-	-	-	-	(66.880.340.000)	(66.880.340.000)
Phân bổ cho các quỹ	-	-	-	183.377.594.518	30.222.178.298	(213.599.772.816)	-
Chuyển sang quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(30.222.178.298)	(30.222.178.298)
Trích quỹ thưởng Hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	(10.227.010.616)	(10.227.010.616)
Số đầu ngày 1 tháng 1 năm 2011	269.129.620.000	378.761.392.824	(455.850.000)	187.595.334.349	59.884.587.817	319.917.178.729	1.214.832.263.719
Lợi nhuận thuần trong kỳ						79.243.479.183	79.243.479.183
Số đầu ngày 31 tháng 03 năm 2011	269.129.620.000	378.761.392.824	(455.850.000)	187.595.334.349	59.884.587.817	399.160.657.912	1.294.075.742.902

Người lập:

Người duyệt:

Nguyễn Phạm Huyền Nhung
Kế toán trưởng

Le Chanh Nào
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 4 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là báo cáo hợp nhất thành các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Dốc Hải Giang

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

	Mã Thuyết số minh	Quý 1/2011 VNĐ	Quý 1/2010 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lãi nhuận trước thuế	01	79.243.479.183	70.764.996.725
Điều chỉnh cho các khoản			
Khao hao và phân bổ	02	9.739.440.502	7.582.317.425
Các khoản đòi phung	03	1.833.393.194	
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực hiện	04		
Lãi thanh lý tài sản	05	151.057.289	(496.567.865)
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	06	(78.300.000)	
Chi phí lãi vay	07	171.258.472	1.172.801.216
Lãi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	91.060.328.640	79.023.547.501
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(59.392.938.712)	(21.085.840.924)
Biến động hàng tồn kho	10	(60.030.501.652)	(18.583.570.145)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11	25.107.334.836	(29.642.634.168)
Biến động chi phí trả trước	12	(1.388.540.723)	(2.202.392.363)
		(4.644.317.611)	7.509.109.901
Tiền lãi vay nhận trả	13	(440.539.858)	(927.279.721)
Thu nhập doanh nghiệp nhận	14	(16.319.115.783)	(21.089.164.559)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	64.704.477
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.113.948.115)	(2.634.788.817)
Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh	20	(23.517.921.367)	(17.077.418.719)

Các thuyết minh đính kèm báo cáo hợp nhất thành các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Dông Hải Giang**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011 (tiếp theo)**

	Mã Thuyết số minh	Quý 1/2011 VNĐ	Quý 1/2010 VNĐ
LÖU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG NÔNG NGHIỆP			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(18.334.977.482)	(15.951.251.546)
Tiền thu từ việc bán hàng và cung cấp dịch vụ	22		
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	23		
Tiền chi cho các khoản vay khác	24		
Tiền cho vay thu về từ các khoản vay khác	25		
Tiền thu từ tiền gửi khác	26		
Tiền chi trả nợ về các khoản vay khác	27	-	(13.615.000.000)
Tiền thu hồi nợ về các khoản vay khác	28	-	157.550.000
Tiền thu lãi tiền gửi và khác	29	9.501.766.170	496.567.865
Tiền thuần chi cho hoạt động nông nghiệp	30	(8.833.211.312)	(28.912.133.681)
LÖU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG TẠI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(97.650.000)
Tiền vay ngắn hạn khác	33	4.833.524.891	17.887.158.553
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.151.016.192)	(60.722.752.350)
Tiền trả khác	36		
Tiền thuần (chi cho)/thu hoạt động tại chính	40	1.682.508.699	(42.933.243.797)

Các thuyết minh đính kèm báo cáo hợp nhất các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Dông Hải Giang

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã Thuyết số minh	Quy1/2011 VNĐ	Quy1/2010 VNĐ
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(30.668.623.980)	(88.922.796.197)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	577.662.484.017	536.789.184.106
Affect hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70 3	<u>546.993.860.037</u>	<u>447.866.387.909</u>

Người lập:

Người duyệt:

Nguyễn Phạm Huyền Nhung
Kế toán trưởng

Le Chanh Nao
Phó Tổng Giám đốc

ngày 25 tháng 4 năm 2011

Công ty Cổ phần Dōốc Hải Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc kèm theo báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Nền và báo cáo

Công ty Cổ phần Dōốc Hải Giang (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép Kinh doanh số 5703000111 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 15 tháng 9 năm 2004, giấy phép được cấp lại nhiều lần, lần sau cùng tính đến thời điểm báo cáo là vào ngày 06 tháng 09 năm 2010 số 1800156801. Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh dōốc phẩm.

Cổ phiếu của công ty được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011 Công ty có 2.101 nhân viên (31/03/2010: 1.987 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VNĐ”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo nguyên tắc dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Báo cáo tài chính này là các báo cáo tài chính riêng và không bao gồm các báo cáo tài chính của các công ty con. Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi đối phòng giảm giá đầu tư dài hạn nếu cần. Trong các báo cáo tài chính này, Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con và phát hành riêng các báo cáo này.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có đơn vị tính bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái cuối cùng ngay kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ trong kỳ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái cuối cùng ngay giao dịch.

Công ty Cổ phần Dürk Heu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011 (tiếp theo)

Tại các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“CMKT 10”) – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

(d) Tiền và các khoản tăng nợ tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tăng nợ tiền là các khoản nêu rõ ngân hàng có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích nộp ứng các cam kết chi tiền ngân hàng hơn là cho mục đích nêu rõ hay là các mục đích khác.

(e) Các khoản nêu rõ

Các khoản nêu rõ có kỳ hạn và các công cụ nội, các khoản nêu rõ vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các nhà đầu tư và Công ty không có quyền kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng trọng yếu; và các khoản nêu rõ vào các công ty con và công ty liên kết trong các báo cáo tài chính riêng của Công ty được phản ánh theo nguyên giá trị đối phó giảm giá nêu rõ. Đối phó giảm giá nêu rõ được lập nếu giá trị trích của các khoản nêu rõ xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu nhà đầu tư nhận nêu rõ chịu lỗ. Đối phó được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau khi có thể liên hệ một cách khách quan tới một số kiện phát sinh sau khi khoản đối phó này được lập. Khoản đối phó chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản nêu rõ không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản nêu rõ này khi giá trị không có khoản đối phó nào được ghi nhận.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thông mại và phải thu khác thể hiện theo nguyên giá trị đối phó phải thu khi nào.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở nhà máy và trong quá trình vận chuyển. Nó bao gồm thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung nếu được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thông xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản có hình hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản có hình hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản có hình hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phát sinh trước khi đưa tài sản lên và trước khi hoạt động cho mục

Công ty Cổ phần Dốc Hải Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011 (tiếp theo)

ích sử dụng tài sản khác. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản có hình hữu hình nào đó vào hoạt động nhờ chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và tái tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tài trợ nhằm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tổng lại đối tính thu được do việc sử dụng tài sản có hình hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn nào đó nhằm phân giải bản chất thì các chi phí này được vốn hoá nhờ một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản có hình hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản có hình hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	3 – 18 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 13 năm
▪ phòng tiện và chuyên	3 – 13 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 10 năm

(i) Tài sản có hình vô hình

(i) Quyền sử dụng đất vô thời hạn

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh liên quan tới việc bán năm quyền sử dụng đất.

(ii) Quyền sử dụng đất có thời hạn

Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao môn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh liên quan tới việc bán năm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(iii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mỗi mã phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán nhõ tài sản có hình vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 7 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Dừa Hải Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011 (tiếp theo)

(k) Báo nông sản màu tở

(i) Nguyên giá

Báo nông sản màu tở được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của một báo nông sản màu tở bao gồm giá mua báo nông sản, chi phí cho quyền sử dụng đất và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng hoạt động cho mục đích sử dụng dài hạn. Các chi phí phát sinh sau khi báo nông sản màu tở đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thông thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tổng lại đối tính thu được từ việc sử dụng báo nông sản màu tở vượt trên một hoạt động tiêu chuẩn nào đó của ngành ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của báo nông sản màu tở.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp khấu hao thẳng đều trên thời gian hữu dụng ước tính của báo nông sản màu tở từ 5 đến 16 năm.

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Nâng cấp tài sản thuê

Nâng cấp tài sản thuê được ghi nhận theo nguyên giá và được tính khấu hao theo phương pháp khấu hao thẳng đều trong vòng 2 đến 5 năm.

(ii) Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm tiền thuê trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc báo năm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp khấu hao thẳng đều trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 39 đến 41 năm.

(m) Các khoản phải trả thông mai và phải trả khác

Phải trả thông mai và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu do kết quả của một sự kiện trong quá khứ Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tổng lại về thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ nợ. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền đối với các khoản phải trả trong tổng lại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh ngành giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ phải trả.

Công ty Cổ phần Dốc Hải Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011 (tiếp theo)

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm báo cáo gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoài trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận tháng vào vốn chủ sở hữu thì khi có các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận tháng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế đòi hỏi phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Với các khoản thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp so sánh trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mức tính báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mức tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được đòi hỏi sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại nhỏ vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận nhỏ khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

(ii) Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phiếu được ghi nhận nhỏ vốn chủ sở hữu được mua lại, số tiền thanh toán bao gồm chi phí trực tiếp phát sinh khi mua sau khi trừ ảnh hưởng của thuế được ghi nhận nhỏ một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu. Những cổ phiếu được mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ và được ghi nhận nhỏ một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

(q) Quy định về vốn chủ sở hữu

Phần bổ sung trích lập mỗi năm cho các quy định về vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận chưa phân phối do các công nợ quyết định trong nội bộ công ty thông niên.

Công ty Cổ phần Dürk Hải Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011 (tiếp theo)

(r) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh khi các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trong yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bù trả lại.

(ii) Thu nhập cốt lõi

Cốt lõi được ghi nhận nhờ thu nhập khi quyền nhận cốt lõi được xác lập.

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp dồn tích dựa vào thời hạn thuê. Các khoản hoa hồng trả thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nhờ một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong kỳ khi các chi phí này phát sinh, ngoài trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản nếu nhiều kiến toán hóa chi phí vay thì khi nào chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng được ghi vào nguyên giá của tài sản có hình này.

(u) Lợi ích bán trên cổ phiếu

Công ty trình bày lợi ích bán trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lợi ích bán trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có các cổ phiếu có tác dụng suy giảm tiềm năng.

(v) Báo cáo bộ phận

Bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hay dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc nhận định rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh derrick phần và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Dürk Heil Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011 (tiếp theo)

(w) Các chi tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chi tiêu ngoài bảng cân đối kế toán nhỏ hoặc không có trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính này.

3. Tiền và các khoản tổng nợ ngắn hạn

	31/03/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Tiền mặt	28.811.064.873	37.070.633.556
Tiền gửi ngân hàng	186.262.111.557	203.783.533.884
Các khoản tổng nợ ngắn hạn	331.920.683.607	336.808.316.577
	<hr/>	<hr/>
	546.993.860.037	577.662.484.017

Trong tiền và các khoản tổng nợ ngắn hạn tại ngày 31 tháng 03 năm 2011 có số ngoại tệ tổng cộng 17.453 triệu VNĐ (31/03/2010: 16.799 triệu VNĐ).

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thông thường bao gồm:

	31/03/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Phải thu từ các công ty con	64.374.455.508	62.729.107.307
Phải thu từ các công ty liên kết	424.128.700	623.228.259
Phải thu từ các bên thứ ba	210.276.013.668	213.998.696.492
	<hr/>	<hr/>
	275.074.597.876	277.351.032.058

Các khoản phải thu không có hạn mức, không chịu lãi và được hoàn trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Các khoản trả trước cho người bán tại ngày 31 tháng 03 năm 2011 là khoản trả trước cho việc mua máy móc và dịch vụ xây dựng.

Công ty Cổ phần Dược Hải Giang**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011 (tiếp theo)**

Phải thu khác bao gồm:

	31/03/2011	31/12/2010
	VNĐ	VNĐ
Chi phí hoa hồng trả trước	62.393.967.111	55.843.353.770
Thu nhập tiền lãi phải thu	2.382.822.581	1.092.298.387
Các khoản cho vay (*)	2.912.481.447	7.081.051.026
Phải thu từ các công ty con	-	2.763.247.804
Phải thu từ các bệnh viện	2.222.516.394	12.499.149.208
Phải thu từ việc hủy hợp đồng thuê đất	6.000.000.000	13.848.944.240
Phải thu khác	4.590.697.348	1.776.698.372
	80.502.484.881	94.904.742.807

(*) Khoản này phản ánh khoản cho các công ty liên kết và các bệnh viện vay với kỳ hạn đối mỗi năm, không nộp lãi báo và chịu lãi suất năm từ 8.4% đến 10.5% trong năm

Biến động đối phòng phải thu khác nội trong kỳ như sau:

	2011	2010
	VNĐ	VNĐ
Số đầu năm	4.587.387.069	3.161.536.852
Tăng đối phòng trong kỳ	-	3.516.567.725
Số điều chỉnh đối phòng trong kỳ	-	(2.090.717.508)
Số cuối kỳ	4.587.387.069	4.587.387.069

Công ty Cổ phần Dệt Hải Giang**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011 (tiếp theo)****5. Hàng tồn kho**

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Hàng mua hàng nội nông	74.011.255.016	50.952.551.152
Nguyên vật liệu	135.444.315.599	124.294.581.022
Sản phẩm dở dang	35.078.432.250	36.775.463.130
Thành phẩm	137.308.831.696	109.802.188.280
Hàng hóa	2.207.134.235	2.346.540.995
Hàng gửi đi bán	3.713.826.274	3.561.968.839
	<hr/>	<hr/>
	387.763.795.070	327.733.293.418
Dối phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.965.968.111)	(2.965.968.111)
	<hr/>	<hr/>
	384.797.826.959	324.767.325.307

Biến động đối phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Số đầu năm	2.965.968.111	4.844.824.822
Tăng đối phòng trong kỳ	-	-
Hoàn nhập	-	(1.878.856.711)
	<hr/>	<hr/>
Số cuối kỳ	2.965.968.111	2.965.968.111

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011 (tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Phương tiện vận chuyển VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá					
Số đầu năm	70.939.369.338	115.056.354.177	56.076.708.939	41.194.091.482	283.266.523.936
Tăng trong kỳ	-	2.365.830.500	1.524.320.018	1.641.300.112	5.531.450.630
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	518.919.350		4.690.162.700		5.209.082.050
Chuyển sang bất động sản hữu hình					
Thanh lý		(1.210.082.622)	(587.786.225)	(264.729.928)	(2.062.598.775)
Số cuối kỳ	71.458.288.688	116.212.102.055	61.703.405.432	42.570.661.666	291.944.457.841
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	18.291.258.612	69.102.668.008	21.733.972.715	24.757.048.507	133.884.947.842
Khao hao trong kỳ	1.355.213.314	4.124.475.816	2.385.071.432	1.354.973.013	9.219.733.575
Chuyển sang bất động sản hữu hình					
Thanh lý		(1.191.490.832)	(466.229.817)	(253.820.837)	(1.911.541.486)
Số cuối kỳ	19.646.471.926	72.035.652.992	23.652.814.330	25.858.200.683	141.193.139.931
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	52.648.110.726	45.953.686.169	34.342.736.224	16.437.042.975	149.381.576.094
Số cuối kỳ	51.811.816.762	44.176.449.063	38.050.591.102	16.712.460.983	150.751.317.910

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 40.410 triệu VNĐ đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 03 năm 2011 (31/12/2010: 38.101 triệu VNĐ) không vận hành nữa nên thôi sử dụng.

Công ty Cổ phần Dệt Hàng Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ ba tháng kế tiếp ngày 31 tháng 03 năm 2011 (tiếp theo)

7. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng nhà vô thời hạn VNĐ	Quyền sử dụng nhà có thời hạn VNĐ	Phần mềm máy vi tính VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá				
Số đầu năm	78.235.513.595	50.054.670.807	3.454.792.410	131.744.976.812
Tăng trong kỳ	3.732.250.000	2.540.241.968	-	6.272.491.968
Nhiều hơn giảm mua	-	-	-	-
Số cuối kỳ	81.967.763.595	52.594.912.775	3.454.792.410	138.017.468.780
Ghi trừ hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	-	2.924.199.102	1.092.581.950	4.016.781.052
Khấu hao trong kỳ	-	260.600.134	97.400.217	358.000.351
Số cuối kỳ	-	3.184.799.236	1.189.982.167	4.374.781.403
Ghi trừ còn lại				
Số đầu năm	78.235.513.595	47.130.471.705	2.362.210.460	127.728.195.760
Số cuối kỳ	81.967.763.595	49.410.113.539	2.264.810.243	133.642.687.377

8. Xây dựng cơ bản dở dang

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Số đầu năm	7.632.452.186	5.262.347.125
Tăng trong kỳ	13.616.648.321	53.235.776.139
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(12.294.695.487)	(47.966.140.336)
Chuyển sang bất động sản hữu hình	(6.244.545)	(2.784.450.098)
Thanh lý	-	(115.080.644)
Số cuối kỳ	8.948.160.475	7.632.452.186

Công ty Cổ phần Dầu Hải Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011 (tiếp theo)

9. Bất động sản đầu tư

	Nhà cổ VN
Nguyên giá	
Số đầu năm	7.784.646.717
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	6.244.545
	<hr/>
Số cuối kỳ	7.790.891.262
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	1.327.764.597
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-
Khấu hao trong kỳ	161.706.576
	<hr/>
Số cuối kỳ	1.489.471.173
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	6.456.882.120
Số cuối kỳ	6.301.420.089
	<hr/>

Công ty Cổ phần Dược Hải Giang**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011 (tiếp theo)****10. Nợ tài chính dài hạn**

	31/03/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Nợ tài chính công ty con		
▪ Công ty TNHH MTV DT Pharma	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV Du lịch DHG	3.000.000.000	3.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV Dược phẩm CM	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV In Bao Bì DHG	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dược Sông Hải	2.550.000.000	2.550.000.000
▪ Công ty TNHH MTV A&G Pharma	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV TOT Pharma	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV TG Pharma	5.000.000.000	5.000.000.000
	<u>50.550.000.000</u>	<u>50.550.000.000</u>
Nợ tài chính công ty liên kết		
▪ Công ty Cổ phần Tai Vinh Hải	3.787.450.000	3.787.450.000
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm nang mềm DHG	13.500.000.000	13.500.000.000
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vinh Tổng	20.000.000.000	20.000.000.000
	<u>37.287.450.000</u>	<u>37.287.450.000</u>
Nợ tài chính khác		
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	27.420.000	27.420.000
▪ Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Bình Đông	4.286.800.000	4.286.800.000
▪ Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Ninh Thuận	796.675.000	796.675.000
▪ Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Ngãi An	3.922.880.000	3.922.880.000
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trà Vinh	2.575.315.200	2.575.315.200
▪ Công ty Cổ phần Dược - Myo phẩm và Thông mại Bà Rịa – Vũng Tàu	70.000.000	70.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Tây Ninh	221.960.000	221.960.000
	<u>11.901.050.200</u>	<u>11.901.050.200</u>

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011 (tiếp theo)

Biên động đối phòng giảm giá tài sản dài hạn trong kỳ như sau:

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Số đầu năm	17.201.479.225	4.674.007.476
Tăng đối phòng trong kỳ	-	12.527.471.749
Hoàn nhập	-	-
Số cuối năm	17.201.479.225	17.201.479.225

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết như sau:

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép Kinh doanh	% vốn sở hữu	
			31/03/2011	31/12/2010
Công ty con				
Công ty TNHH MTV DT Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật t _o , trang thiết bị, dụng cụ y tế; thuốc phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5104000057 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 28 tháng 8 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV Du lịch DHG	Kinh doanh dịch vui l _o o h _a nh n _o i r _u a	Số 5704000134 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 26 tháng 12 năm 2007	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT	Kinh doanh dược phẩm, vật t _o , trang thiết bị, dụng cụ y tế; thuốc phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5604000048 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Kiên Giang cấp ngày 16 tháng 5 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG	Nu _o i tr _o ng, chế biến, sản xuất, kinh doanh dược liệu; sản xuất, kinh doanh hoa d _o oc; sản xuất, kinh doanh thuốc phẩm chức năng	Số 1800723433 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp ngày 25 tháng 8 năm 2008	100%	100%

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011 (tiếp theo)

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép Kinh doanh	% vốn sở hữu	
			31/03/2011	31/12/2010
Công ty TNHH MTV Dược phẩm CM	Kinh doanh dược phẩm, vật t _o , trang thiết bị, dụng cụ y tế th _o c phẩm ch _o c năng v _a od _o oc my _o ph _a m	Số 6104000035 do S _o i Ke _o ho _a ich v _a o _o N _a u t _o t _a n _h C _a m _M au c _a p ngay 8 th _a ng 4 n _a m 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV In Bao bì DHG	S _a n x _a u _t , kinh doanh bao bì nh _o a, nh _o m, gi _a y; in x _a u _t b _a n _a n ph _a m	Số 5704000183 do S _o i Ke _o ho _a ich v _a o _o N _a u t _o t _a n _h ph _o i C _a n Th _o c _a p ngay 29 th _a ng 4 n _a m 2008	100%	100%
Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu	Kinh doanh dược phẩm, vật t _o , trang thiết bị, dụng cụ y tế th _o c phẩm ch _o c năng v _a od _o oc my _o ph _a m	Số 6403000044 do S _o i Ke _o ho _a ich v _a o _o N _a u t _o t _a n _h H _a u Giang c _a p ngay 20 th _a ng 7 n _a m 2007	51%	51%
Công ty TNHH MTV A&G Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật t _o , trang thiết bị, dụng cụ y tế th _o c phẩm ch _o c năng v _a od _o oc my _o ph _a m	Số 1601171629 do S _o i Ke _o ho _a ich v _a o _o N _a u t _o t _a n _h _A n Giang c _a p ngay 17 th _a ng 6 n _a m 2009	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST	Kinh doanh dược phẩm, vật t _o , trang thiết bị, dụng cụ y tế th _o c phẩm ch _o c năng v _a od _o oc my _o ph _a m	Số 5904000064 do S _o i Ke _o ho _a ich v _a o _o N _a u t _o t _a n _h S _o c Tr _a ng c _a p ngay 11 th _a ng 4 n _a m 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV TOT Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật t _o , trang thiết bị, dụng cụ y tế th _o c phẩm ch _o c năng v _a od _o oc my _o ph _a m	Số 1801113085 do S _o i Ke _o ho _a ich v _a o _o N _a u t _o t _a n _h ph _o i C _a n Th _o c _a p ngay 25 th _a ng 2 n _a m 2009	100%	100%
Công ty TNHH MTV TG Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật t _o , trang thiết bị, dụng cụ y tế th _o c phẩm ch _o c năng v _a od _o oc my _o ph _a m	Số 1200975943 do S _o i Ke _o ho _a ich v _a o _o N _a u t _o t _a n _h T _i en Giang c _a p ngay 25 th _a ng 2 n _a m 2009	100%	100%
Công ty liên kết Công ty Cổ phần T _a i Vinh Hải	S _a n x _a u _t v _a o _o kin _h doanh T _a i Spirulina	Số 4803000150 do S _o i Ke _o ho _a ich v _a o _o N _a u t _o t _a n _h B _i n _h Thu _a n c _a p ngay 4 th _a ng 2 n _a m 2008	30%	30%

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011 (tiếp theo)

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép Kinh doanh	% vốn sở hữu	
			31/03/2011	31/12/2010
Công ty Cổ phần Dược phẩm Medisur	Sản xuất và kinh doanh thuốc phẩm, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm đối dạng viên nang mềm	Số 3700634575 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 25 tháng 1 năm 2008	30%	30%
Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường	Sản xuất bao bì toilet giấy nguyên sinh	Số 4603000373 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 9 tháng 7 năm 2007	20%	20%

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Năng cấp tại sản thuê VNĐ	Chi phí trả trả trước VNĐ	Tổng VNĐ
Số đầu năm	2.146.452.171	19.155.883.271	21.302.335.442
Tăng trong kỳ			0
Phân bổ trong kỳ	(225.527.113)	(124.631.891)	(350.159.004)
Hủy hợp đồng thuê đất	-	-	-
Số cuối kỳ	1.920.925.058	19.031.251.380	20.952.176.438

12. Vay ngắn hạn

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Khoản vay từ Ngân hàng Công thương Việt Nam	-	-
Khoản vay từ nhân viên của Công ty (*)	14.484.921.672	12.802.412.973
	14.484.921.672	12.802.412.973

(*) Các khoản vay này không có lãi suất và chịu lãi suất tháng từ 1.15% trong năm

Công ty Cổ phần Dệt Hải Giang**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011 (tiếp theo)****13. Phải trả thông mai**

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Phải trả các công ty con	12.065.666.581	14.109.914.609
Phải trả các công ty liên kết	680.000.000	2.682.823.414
Phải trả các bên thứ ba	99.893.358.975	75.467.313.412
	<u>112.639.025.556</u>	<u>92.260.051.435</u>

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	2.981.140.236	1.181.296.819
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.358.688.685	16.545.114.513
Thuế thu nhập cá nhân	3.320.474.316	17.131.130.102
Tiền thuế khác	2.241.080.878	
Các loại thuế khác	22.599.873	22.599.873
	<u>19.923.983.988</u>	<u>34.880.141.307</u>

Công ty Cổ phần Dông Hải Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011 (tiếp theo)

Chi tiết tổng khoản thuế như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.181.296.819	5.130.677.021	(3.330.833.604)	2.981.140.236
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	8.269.893.867	(8.269.893.867)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	(110.460.634)	2.718.494.507	(2.782.883.409)	(174.849.536)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.545.114.513	11.132.689.955	(16.319.115.783)	11.358.688.685
Thuế thu nhập cá nhân	17.131.130.102	3.552.621.753	(17.363.277.539)	3.320.474.316
Thuế nhà đất	-	2.241.080.878	-	2.241.080.878
Thuế khác	22.599.873	41.500.000	(41.500.000)	22.599.873
Cộng	<u>34.769.680.673</u>	<u>33.086.957.981</u>	<u>(48.107.504.202)</u>	<u>19.749.134.452</u>

Công ty Cổ phần Dông Hải Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011 (tiếp theo)

15. Chi phí phải trả

	31/3/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Giảm giá hàng bán	80.576.473.300	86.208.476.785
Chi phí khuyến mãi	50.345.093.773	45.035.365.599
Chi phí hải quan	25.993.147.339	16.128.505.475
Chi phí quảng cáo	5.406.503.101	2.015.111.870
Lãi vay phải trả	181.947.170	322.236.549
Các chi phí phải trả khác	25.916.998.068	8.983.329.562
	<u>188.420.162.751</u>	<u>158.693.025.840</u>

16. Quyên góp thông qua phúc lợi

Quyển này được lập bằng việc phân bổ tiền lãi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cơ quan tài chính nhà nước. Quyển này được sử dụng để chi trả tiền thông qua phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng phúc lợi của Công ty và thông qua Hội đồng Quản trị theo nghị quyết Nhà nước của Công ty.

Bien động quyên góp thông qua phúc lợi trong kỳ như sau:

	Quyên góp thông qua phúc lợi VNĐ	Quyên góp lãi đã hình thành TSCN VNĐ	Quyên góp thông qua Hội đồng Quản trị VNĐ	Tổng VNĐ
Số đầu năm	20.682.997.697	-	2.930.323.537	23.613.321.234
Phân bổ cho quỹ	-	-	-	-
Chuyển từ quyên góp lãi	-	1.359.990.500	-	1.359.990.500
Sử dụng quỹ	(2.082.335.196)	-	(950.000.000)	(3.032.335.196)
Số cuối kỳ	<u>18.600.662.501</u>	<u>1.359.990.500</u>	<u>1.980.323.537</u>	<u>21.940.976.538</u>

Chi tiết Quyên góp lãi đã hình thành tại sản phẩm: tăng do nhà nước, mua sắm tại sản phẩm hình thành bằng quyên góp lãi hoàn thành nhà nước sử dụng cho hoạt động văn hóa, phúc lợi tập thể

Công ty Cổ phần Dông Hải Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011 (tiếp theo)

17. Dãi phòng trỗi cấp thôi việc

Biên độ dãi phòng trỗi cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	VNĐ
Số đầu năm	20.978.663.130
Trích lập dãi phòng trong kỳ	1.907.151.194
Số dãi phòng trong kỳ	(73.758.000)
Số cuối kỳ	<u><u>22.812.056.324</u></u>

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tối ưu cần chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên số dãi phòng lao động phải thanh toán tiền trỗi cấp thôi việc cho nhân viên nội tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên nội. Dãi phòng trỗi cấp thôi việc nội trích lập dựa trên số năm làm việc và mức lương hiện tại của nhân viên nội.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kết từ ngày 1 tháng 1 năm 2009. Công ty và các nhân viên phải nộp vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mỗi năm bắt mỗi bên nội tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung nội Chính phủ quy định trong tổng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp. Công ty không phải lập dãi phòng trỗi cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trỗi cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ nội các nội dựa trên số năm làm việc của nhân viên nội tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011, Công ty nội nộp 2% lương cơ bản, tổng nội 364 triệu VNĐ (quy 1/2010: 220 triệu VNĐ) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp, trong nội 1% thu từ lương cơ bản của CBNV, 1% nội ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

18. Quy định trích khoa học và công nghệ

Theo Thông số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008, các nội và nội phép lập quy định phát triển khoa học và công nghệ nội số dãi phòng cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển. Dãi phòng nội tính lại chi phí. Quy định nội số dãi phòng khi các hoạt động nghiên cứu và phát triển nội thực hiện và nội nội trả.

Biên độ của quy định trích khoa học và công nghệ trong kỳ như sau:

	VNĐ
Số đầu năm	37.857.790.502
Số dãi phòng quy định trong kỳ	(441.603.419)
Số cuối kỳ	<u><u>37.416.187.083</u></u>

Công ty Cổ phần Dông Hải Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011 (tiếp theo)

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/3/2011		31/12/2010	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	26.912.962	269.129.620.000	26.912.962	269.129.620.000
Cổ phiếu quỹ	(10.130)	(455.850.000)	(10.130)	(455.850.000)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	26.902.832	268.673.770.000	26.902.832	268.673.770.000

Tất cả cổ phiếu phổ thông của Công ty có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu đồng nghĩa với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Nếu với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mỗi quyền lợi nếu bỏ giải ngân cho đến khi số cổ phiếu nội ứng được phát hành lại.

Biến động về vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	31/3/2011		31/12/2010	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Số đầu năm	26.902.832	268.673.770.000	26.653.842	266.219.220.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	-	-	250.000	2.500.000.000
Cổ phiếu thông thường đã phát hành	-	-	-	-
Cổ phiếu quy mua lại	-	-	(3.040)	(136.800.000)
Cổ phiếu quy phát hành lại	-	-	2.030	91.350.000
Số cuối kỳ	26.902.832	268.673.770.000	26.902.832	268.673.770.000

Công ty Cổ phần Dông Hải Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011 (tiếp theo)

20. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán nội địa ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Quý 1/2011 VNĐ	Quý 1/2010 VNĐ
Tổng doanh thu		
▪ Thanh phẩm nông sản	517.353.686.044	362.363.061.579
▪ Hàng hóa nông sản	26.166.723.103	20.610.424.399
▪ Hàng khuyến mãi	22.741.962.724	23.834.704.148
	<hr/>	<hr/>
	566.262.371.871	406.808.190.126
Các khoản giảm trừ		
▪ Giảm giá hàng bán	-	-
▪ Hàng bán bù trừ lại	(2.415.841.262)	(8.492.103.031)
	<hr/>	<hr/>
	(2.415.841.262)	(8.492.103.031)
Doanh thu thuần	<hr/>	<hr/>
	563.846.530.609	398.316.087.095
Trong nội		
▪ Thanh phẩm nông sản	514.950.417.938	353.880.232.014
▪ Hàng hóa nông sản	26.154.149.947	20.601.150.933
▪ Hàng khuyến mãi	22.741.962.724	23.834.704.148

21. Giá vốn hàng bán

	Quý 1/2011 VNĐ	Quý 1/2010 VNĐ
Thanh phẩm nông sản	269.521.331.171	178.557.443.431
Hàng hóa nông sản	24.249.442.764	18.905.564.215
Hàng khuyến mãi	22.459.289.926	23.834.259.226
	<hr/>	<hr/>
	316.230.063.861	221.297.266.872

Công ty Cổ phần Dörre Hải Giang**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011 (tiếp theo)****22. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý 1/2011 VNĐ	Quý 1/2010 VNĐ
Thu lãi tiền gửi	9.423.466.171	4.869.247.840
Có lãi	78.300.000	92.134.800
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.292.462.463	1.328.626.136
	11.794.228.634	6.290.008.776

23. Chi phí tài chính

	Quý 1/2011 VNĐ	Quý 1/2010 VNĐ
Chi phí lãi vay	323.372.767	1.172.801.216
Chi chênh lệch tỷ giá	1.032.950.363	233.370.875
Chi phí tài chính khác	37.970.425	47.000.000
	1.394.293.555	1.453.172.091

24. Chi phí bán hàng

	Quý 1/2011 VNĐ	Quý 1/2010 VNĐ
Chi phí nhân viên	55.460.454.294	54.331.373.897
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.511.930.089	1.251.397.539
Chi phí dùng củi nấu dung	743.966.619	565.961.829
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.000.313.023	1.706.676.759
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.460.188.906	20.075.602.839
Chi phí bằng tiền khác	30.345.632.280	13.716.241.392
	134.522.485.211	91.647.254.255

25. Chi phí quản lý

	Quý 1/2011 VNĐ	Quý 1/2010 VNĐ
Chi phí nhân viên	23.084.983.983	13.783.207.882
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.090.909	
Chi phí dùng củi nấu dung	634.126.582	576.731.915
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.931.379.275	833.039.042
Thuế phí và lệ phí	186.407.552	74.363.087

Công ty Cổ phần Dệt Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011 (tiếp theo)

	Quý1/2011 VNĐ	Quý1/2010 VNĐ
Chi phí đời phòng	1.907.151.194	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.560.256.543	1.149.746.963
Chi phí bằng tiền khác	3.928.396.440	3.274.280.872
	<hr/>	<hr/>
	33.233.792.478	19.691.369.761

26. Thu nhập khác

	Quý1/2011 VNĐ	Quý1/2010 VNĐ
Thu nhập từ bán phế liệu	187.594.854	170.352.812
Thu từ thanh lý tài sản cố định	367.227.273	376.965.659
Thu nhập từ cho thuê nhà và xe ô tô	136.546.739	
Thu nhập khác	532.181.176	342.272.059
	<hr/>	<hr/>
	1.223.550.042	889.590.530

27. Chi phí khác

	Quý1/2011 VNĐ	Quý1/2010 VNĐ
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý và xóa sổ	234.756.637	376.729.426
Chi phí phát thuê	67.719	
Chi phí khác	872.680.686	264.897.271
	<hr/>	<hr/>
	1.107.505.042	641.626.697

28. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Tài sản thuế hoãn lại**

Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ

	31/3/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Các khoản đời phòng	821.476.627	821.476.627

Công ty Cổ phần Dầu Hải Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011 (tiếp theo)

(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Quý 1/2011 VNĐ	Quý 1/2010 VNĐ
Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.132.689.955	8.288.566.610
Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp	11.132.689.955	8.288.566.610

(c) Nội chiểu thuế suất thối teá

	Quý 1/2011 VNĐ	Quý 1/2010 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	90.376.169.138	70.764.996.725
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	18.780.116.509	14.564.699.557
Chi phí không được khấu trừ thuế	-	-
Thuế thu nhập không chịu thuế	(19.575.000)	(23.033.700)
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	(7.627.851.553)	(6.253.099.248)
Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp	11.132.689.956	8.288.566.609

(d) Thuế suất áp dụng

Theo quy định trong Giấy phép Dầu thô. Công ty công hòa vui nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2005 đến năm 2013 và 25% cho những năm tiếp theo. Các mức khác trong Giấy phép Dầu thô của Công ty cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2005 đến năm 2006 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2007 đến năm 2011. Tất cả các mức giảm thuế trên không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này chịu mức thuế suất 25%.

Ngày 21 tháng 12 năm 2006, công phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội, do vậy Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm sau khi kết thúc thời gian miễn, giảm ưu đãi.

Công ty Cổ phần Dông Hải Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011 (tiếp theo)

29. Lợi cô bán trên cổ phiếu

Việc tính toán lợi cô bán trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 03 năm 2011 dựa trên số lãi nhuận thuộc các công nợ số hữu cổ phiếu phổ thông và số lãi bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang nổi lưu hành, nổi thực hiện như sau:

Lợi nhuận thuần thuộc các công nợ số hữu cổ phiếu phổ thông

	Quý 1/2011 VNĐ	Quý 1/2010 VNĐ
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các công nợ số hữu cổ phiếu phổ thông	79.243.479.183	62.476.430.115

30. Cổ tức

Nội hội đồng của Công ty ngày 29 tháng 4 năm 2010 quyết định chia cổ tức là 69.966 triệu VNĐ trong nội bộ gồm cổ tức giữa niên là 29.989 triệu VNĐ (15% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 4 tháng 9 năm 2009) và cổ tức cuối năm là 39.977 triệu VNĐ (15% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 26 tháng 3 năm 2010). Ngoài ra, cuộc họp Hội đồng Quản trị vào ngày 14 tháng 7 năm 2010 quyết định chia cổ tức giữa niên cho năm 2010 là 26.903 triệu VNĐ (10% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 27 tháng 10 năm 2010).

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các bên liên quan

Công ty có mối quan hệ liên quan với các công ty con, công ty liên kết, các công nợ, các giảm nợ và các nhân sự nội bộ.

Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết

Ngoài số đã với các công ty con và các công ty liên kết nổi trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong kỳ có các giao dịch chủ yếu sau với các công ty con và công ty liên kết:

	Quý 1/2011 VNĐ	Quý 1/2010 VNĐ
Công ty TNHH MTV In Bao bì DHG		
Mua nguyên vật liệu	38.928.204.486	24.438.273.802
Bán hàng hóa	15.002.231.845	9.169.028.179
Dịch vụ vận tải, bốc, gao, thuê nhà	376.251.047	
Bán tài sản		92.363.376

Công ty Cổ phần Dược Hải Giang**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011 (tiếp theo)**

	Quý1/2011 VNĐ	Quý1/2010 VNĐ
Công ty TNHH MTV Du lịch DHG		
Bán dịch vui		88.181.818
Bán hàng hóa	2.961.000	-
Mua dịch vui	533.868.182	3.668.494.817
Công ty TNHH MTV Dược phẩm CM		
Bán thanh phẩm	8.008.240.089	5.021.444.587
Bán hàng hóa		4.835.000
Cung cấp hàng khuyến mãi	72.161.410	317.447.017
Công ty TNHH MTV DT Pharma		
Bán thanh phẩm	6.268.980.971	5.116.982.081
Bán hàng hóa		52.911.260
Cung cấp hàng khuyến mãi	197.459.058	503.437.045
Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT		
Bán thanh phẩm	8.960.979.233	5.815.362.679
Bán hàng hóa		257.234.463
Cung cấp hàng khuyến mãi	147.654.273	138.268.476
Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST		
Bán thanh phẩm	8.486.182.860	174.035.748
Bán hàng hóa		5.964.338.049
Cung cấp hàng khuyến mãi	261.969.606	231.210.790
Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG		
Mua nguyên vật liệu	7.457.929.616	6.071.476.578
Bán hàng hóa	421.218.317	365.957.098
Bán thanh phẩm	46.690.000	-
Dịch vui gia công	985.085.535	740.463.183
Dịch vui niên, nôi, ga, thuê nhà	206.771.734	44.183.363
Công ty Cổ phần Dược Sông Hải		
Bán thanh phẩm	16.552.019.317	10.334.512.893
Bán hàng hóa		328.238.847
Cung cấp hàng khuyến mãi	410.857.503	184.904.075
Dịch vui kiểm nghiệm	4.084.135	
Công ty TNHH MTV A&G Pharma		
Bán thanh phẩm	22.624.398.893	17.318.903.300
Bán hàng hóa		297.639.191

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011 (tiếp theo)

	Quý1/2011 VNĐ	Quý1/2010 VNĐ
Cung cấp hàng khuyến mãi	762.562.987	676.537.888
Công ty TNHH MTV TOT Pharma		
Mua hàng hóa	2.748.066.089	
Bán thanh phẩm	12.248.686.180	
Cung cấp hàng khuyến mãi	443.431.774	
Bán hàng hóa	18.548.091	
Dịch vụ niên, giáo	1.399.480	
Công ty TNHH MTV TG Pharma		
Bán thanh phẩm	10.196.657.720	
Cung cấp hàng khuyến mãi	105.816.867	
Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ Cao Vĩnh Tường		
Mua nguyên vật liệu		416.310.000
Công ty Cổ phần Tai Vĩnh Hải		
Mua nguyên vật liệu	2.337.000.000	955.400.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Medisun		
Phí gia công	2.773.496.886	1.560.774.375
Tài ngày kết thúc kỳ tài chính, công nợ với các bên liên quan như sau:		
	31/03/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Công ty TNHH MTV Dược phẩm CM		
Phải thu tiền hàng	7.980.639.868	8.865.663.731
Công ty TNHH MTV DT Pharma		
Phải thu tiền hàng	4.162.137.158	4.408.947.898
Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT		
Phải thu tiền hàng	4.208.768.248	6.248.359.937
Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST		
Phải thu tiền hàng	3.833.198.124	4.035.735.494
Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG		
Phải thu tiền hàng	-	377.804.330
Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu		
Phải thu tiền hàng	9.399.699.354	4.514.413.556

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011 (tiếp theo)

	31/03/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Công ty TNHH MTV A&G Pharma		
Phải thu tiền hàng	19.324.862.326	16.025.426.983
Công ty TNHH MTV TOT Pharma		
Phải thu tiền hàng	9.647.475.760	11.336.218.174
Công ty TNHH MTV TG Pharma		
Phải thu tiền hàng	5.817.674.670	6.916.537.204
Công ty Cổ phần Bao bì công nghệ cao Vĩnh Tường		
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	424.128.700	424.128.700
Công ty Cổ phần DP Medisun		
Phải thu tiền gia công	-	199.099.559
Cộng nợ phải thu	64.798.584.208	63.352.335.566
Công ty TNHH MTV In - Bao bì DHG		
Phải trả tiền hàng	10.171.054.691	8.338.155.729
Công ty TNHH MTV Du lịch DHG		
Phải trả dịch vụ	51.565.000	4.089.795.500
Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG		
Phải trả tiền hàng	1.843.046.890	1.681.963.380
Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo		
Phải trả tiền hàng	680.000.000	1.134.220.000
Công ty Cổ phần Bao bì công nghệ cao Vĩnh Tường		
Phải trả tiền hàng	-	322.960.000
Công ty Cổ phần DP Medisun		
Phải trả tiền hàng	-	1.225.643.414
Cộng nợ phải trả	12.745.666.581	16.792.738.023

Giao dịch với các bên quan hệ liên quan

Lương, thưởng và tiền thưởng cho thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc lao

Công ty Cổ phần Dông Hải Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011 (tiếp theo)

	Quý1/2011 VNĐ	Quý1/2010 VNĐ
Tiền lương	766.633.193	411.878.948
Thuế lao	618.000.000	475.000.000
Thông	115.570.000	
	1.500.203.193	886.878.948

32. Các cam kết**Cam kết mua sắm tài sản**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011 Công ty có các cam kết mua sắm tài sản sau đây được duyệt những chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/3/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Nợ được duyệt những chưa ký kết hợp đồng	624.715.048.162	338.828.702.009
Nợ được duyệt với nhà ký kết hợp đồng	664.282.000	56.351.141.008
	625.379.330.162	395.179.843.017

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Quý1/2011 VNĐ	Quý1/2010 VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	242.797.322.731	163.660.456.135
Chi phí nhân công và nhân viên	113.226.544.422	100.203.386.491
Chi phí khấu hao và phân bổ	9.491.805.355	7.470.207.110
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.159.632.637	29.448.091.555
Các chi phí khác	38.249.691.728	18.739.588.660
	462.924.996.873	319.521.729.951

Người lập:

Người duyệt:

Nhã Phạm Huyền Nhung
Kế toán trưởng

Leã Chanh Não
Phó Tổng Giám đốc

ngày 25 tháng 4 năm 2011